

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚC THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/DS-ST

Ngày: 09/8/2019.

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Tú.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Học.**

2. Ông **Nguyễn Thái Học.**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Hòa** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2019/TLST- DS ngày 14 tháng 12 năm 2018 về Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Phòng**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, thị xã S, Thành phố H; có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Kh**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Cụm 7, xã P1, huyện P, Thành phố H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Phòng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ph trình bày như sau:

Gia đình chị với gia đình ông Nguyễn Văn Kh có quen biết với nhau từ trước. Do công việc làm ăn kinh doanh gặp khó khăn, ông Kh cần vốn để kinh doanh làm ăn và có vay của chị số tiền là 180.000.000đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), số tiền trên vay làm hai lần, lần 1 vào ngày 17/12/2017 ông Kh vay 80.000.000đ, hẹn đến ngày 31/12/2017 sẽ trả, cũng trong ngày 17/12/2017 chị lại cho ông Kh vay

100.000.000đồng, ông Kh hẹn chị ngày 20/01/2018 sẽ trả chị 50.000.000đ, ngày 25/02/2018 ông Kh hẹn sẽ trả nốt cho chị số tiền 50.000.000đ nữa, khi vay chị với ông Kh không thỏa thuận gì về việc trả lãi, vì là chỗ quen biết nên vay ít ngày chị không tính lãi. Việc vay nợ chỉ có chị và ông Kh giao dịch cá nhân với nhau, tiền là của cá nhân chị, chồng chị và vợ ông Kh không có liên quan gì.

Sau khi vay tiền của chị xong thì đến hạn trả ông Kh không trả nợ, chị đến đòi nợ nhiều lần nhưng ông Kh vẫn không thu sếp được, vì vậy chị buộc phải làm đơn ra Tòa khởi kiện ông Kh. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Kh phải trả cho chị số tiền nợ gốc là 180.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, kể từ tháng 02/2018 cho đến khi ông Kh trả xong toàn bộ khoản nợ cho chị.

Ngoài ra chị Phkhông trình bày hay yêu cầu gì thêm.

2. Bị đơn ông Nguyễn Văn Kh trình bày: Ông có quen biết chị Phạm Thị Phòng, thậm chí hai gia đình chơi với nhau rất thân. Do công việc làm ăn kinh doanh gặp khó khăn ông cần vốn để kinh doanh làm ăn theo thời vụ và có thiếu vốn nên ông có hỏi vay của chị Phạm Thị Phsố tiền là 180.000.000đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), số tiền trên vay làm hai lần, lần 1 vào ngày 17/12/2017 ông vay chị Ph80.000.000đ, ông hẹn đến ngày 31/12/2017 ông sẽ trả, cũng trong ngày 17/12/2017 ông thiếu vốn nên lại hỏi vay chị Ph100.000.000đ và hẹn ngày 25/02/2018 trả nốt, khi vay ông với chị Phkhông thỏa thuận gì về việc trả lãi, vì là chỗ thân quen, và việc vay nợ chỉ có ông và và chị Phbiết với nhau, chồng chị Phvà vợ ông không biết và không liên quan gì.

Sau khi vay tiền của chị Phthì ông có đầu tư vào Công ty sản xuất tinh bột sắn, nhưng do sản phẩm làm ra không bán được, việc làm ăn bị trì trệ nên ông chưa có tiền để trả cho chị Phòng, ông nhận ông không trả được nợ theo đúng hẹn với chị Phlà vi phạm cam kết với chị Phòng, nay chị Phkhởi kiện yêu cầu ông trả gốc số tiền vay hai lần tổng cộng là 180.000.000đ, ông nhất trí trả lãi cho chị Phtheo lãi suất ngân hàng nhà nước Việt Nam. Tuy nhiên hiện tại ông chưa có tiền trả nên ông xin trả nợ dần cho chị Phòng, ông hẹn sẽ trả đủ gốc và lãi trong năm 2019, và khi nào công ty có tiền thì ông sẽ trả cho chị Phòng.

Ngoài ra ông Kh không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu của mình về việc đòi khoản nợ gốc là 180.000.000đồng đối với bị ông Kh, về lãi thì đề nghị Hội đồng xét xử tính lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tính từ ngày vi phạm cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 9%/năm = 0,75%/tháng.

3. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm

quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục hòa giải đã được tiến hành đúng pháp luật; Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 121,122,124, 281, 290, 302 Bộ luật dân sự 2005; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Phòng; buộc ông Nguyễn Văn Kh phải trả cho chị Phsố tiền 180.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo qui định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định và trả lại chị Phạm Thị Phtạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử bị đơn ông Kh đã có đơn xin hoãn phiên tòa lần thứ nhất, lần thứ hai ông Kh có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về thời hiệu: Căn cứ vào Điều 249 của Bộ luật dân sự và đối chiếu với ngày nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thì nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện trong hạn luật định.

[3]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phạm Thị Phkhởi kiện ông Nguyễn Văn Kh về khoản tiền vay còn nợ đã ký kết giữa hai bên. Như vậy, đây là loại Hợp đồng dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được pháp luật dân sự điều chỉnh.

[4]. Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Phvề việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Kh phải trả số tiền nợ gốc là 180 triệu đồng và số tiền lãi kể từ ngày vi phạm cho đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Hội đồng xét xử nhận thấy, do quen biết nhau từ trước nên ngày 17/12/2017 chị Phđã cho ông Kh vay hai lần với tổng số là 180.000.000đồng, lần đầu ông Kh vay số tiền 80.000.000đồng hạn đến 31/12/2017 trả, lần hai vay của chị Ph100.000.000đ và hạn 25/02/2018 trả. Cả hai lần vay đều lập giấy vay tiền, không thể hiện việc tính lãi. Quá trình sau khi đến hạn trả nợ ông Kh không trả được tiền cho chị Phòng. Cụ thể “Giấy vay tiền” ngày 17/12/2017 thể hiện ông Kh vay của chị Ph80 triệu đồng, hạn đến 31/12/2017 trả, “Giấy vay tiền” ngày 17/12/2017 thể hiện ông Kh vay của chị Ph100 triệu đồng, hạn đến 25/02/2018 trả.

Đúng hẹn ông Kh không trả được nợ. Nên chị Phkhởi kiện đòi nợ gốc đối với ông Kh là có căn cứ phù hợp với qui định tại điều 466 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Về tiền lãi, thì chị Phvà ông Kh đều thừa nhận việc vay ngắn hạn và là bạn bè thân quen nên không chị Phtính lãi, nên xác định việc vay nợ giữa chị Phvà ông Kh không có lãi, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên chị Phyeu cầu tính tiền lãi là 9%/năm tính từ ngày vi phạm cho đến ngày xét xử sơ thẩm, xét yêu cầu của chị Phphù hợp với qui định tại điều 466, 468 của Bộ luật dân sự và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010. Nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phòng, buộc ông Kh phải trả tiền lãi đối với số tiền vay tính từ ngày vi phạm cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 09/8/2019 cho chị Phlà 9%/năm = 0,75%/tháng, cụ thể: 80.000.000 đồng x 19 tháng 19 ngày x 0,75% = 11.580.000 đồng và 100.000.000 đồng x 17 tháng 15 ngày x 0,75% = 13.125.000 đồng. Như vậy ông Kh phải trả cho chị Phtổng cộng gốc và lãi là 204.705.000 đồng.

[4]. Về án phí: Xét yêu cầu của chị Phạm Thị Phđược chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Kh phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 249, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Phòng.

Buộc ông Nguyễn Văn Kh phải trả cho chị Phạm Thị Ph180.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi là 24.705.000đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 204.705.000 đồng (*Hai trăm linh tư triệu bảy trăm linh năm nghìn đồng*).

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Kh phải chịu 10.235.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị Phạm Thị Ph4.500.000đồng tiền tạm ứng án phí, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005453 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành về phần tiền phải thanh toán, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất 20%/năm. Nếu các bên không thỏa thuận được thì mức lãi suất chậm trả được áp dụng là 20%/năm.

Căn cứ vào Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Những người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Tú